

Số: 253/2017/QĐST-HNGĐ

Phan Thiết, ngày 02 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H - sinh năm 1977.

Trú tại: Đường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm Đình T - sinh năm 1977

Trú tại: Đường C, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ trụ sở: Đường A, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Trung H – Phó tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Đ - Chuyên viên KHCN- MB Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Phạm Đình T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận ngày 08/8/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2012 quyền số 01/2012. Nay bà H, ông T xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Phạm Đình T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Phạm Đình T thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Bà H, ông T có 02 con chung là Phạm Khả Hân (nữ), sinh ngày: 22/8/2012 và Phạm Hồng Mẫn (nữ), sinh ngày: 15/02/2016. Ông bà thoả thuận, giao cháu Phạm Khả Hân và Phạm Hồng Mẫn cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H chưa yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Phạm Đình T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông bà thỏa thuận, ông Phạm Đình T được toàn quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 căn nhà cấp 04 diện tích khoảng 80m² trên diện tích đất là 100m² tại thửa đất số 62 tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 872056 do UBND thành phố P cấp ngày 07/4/2014 số vào sổ cấp GCN: CH00753 và 01 xe ô tô biển số 53S-ABC; tổng trị giá tài sản là 1.300.000.000 (*Một tỷ ba trăm triệu*) đồng (Hiện nay toàn bộ số tài sản này ông Phạm Đình T đang quản lý, sử dụng; Ông Phạm Đình T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục sang tên đổi chủ theo đúng quy định của pháp luật).

- Về nợ chung: Ông bà thỏa thuận, ông Phạm Đình T có trách nhiệm trả các khoản nợ gồm:

+ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh tỉnh Bình Thuận số tiền gốc 514.284.000 (*Năm trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn*) đồng và tiền lãi phát sinh sau đó.

+ Bà Đinh Thị M (là mẹ ruột của ông Phạm Đình T) số tiền 145.000.000 (*Một trăm bốn mươi lăm triệu*) đồng.

+ Toàn bộ số tiền nợ xăng dầu Quân đội.

- Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm. Ngày 31/5/2017 bà H đã nộp 16.300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013397 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, nay chuyển 150.000 đồng thành án phí; hoàn lại cho bà H 16.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ông Phạm Đình T phải nộp 25.500.000 đồng về án phí đối với phần tài sản chung được hưởng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

VŨ THỊ THANH HÒA